

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13 /2019/HNGĐ-ST.

Ngày: 10-9-2019.

V/v Ly hôn, nuôi con chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hòa.

Bà Phan Thị Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên: Bà Nguyễn Tuyết Vân
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 10 tháng 9 năm 2019, tại Hội trường Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 19/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2019 về ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2019/QĐXX-ST ngày 27 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

+ *Nguyên đơn:* Chị *Nông Hoàng Hạnh L*, sinh năm 1991.

HKTT: Xóm H, xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt)

+ *Bị đơn:* Anh *Chang Jun C*, sinh năm 1993.

HKTT: Đài Loan.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nông Hoàng Hạnh L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Chang Jun C kết hôn năm 2018 trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, không bị ai ép buộc và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam và có được tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương.

Sau khi kết hôn thì anh Chang Jun C trở về Đài Loan để làm việc, anh Chang Jun C vẫn thỉnh thoảng đi lại Việt Nam để thăm chị. Đến tháng 07/2018 thì anh chị bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, anh Chang Jun C không còn quan tâm đến chị và con gái nữa. Chị đã cố gắng và sang Đài Loan để đoàn tụ, hàn gắn tình cảm với anh nhưng không có kết quả. Do chị không làm được thủ tục để sang Đài Loan đoàn tụ với anh Chang Jun C được nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng nghiêm trọng, đỉnh điểm là khi chị phát hiện anh Chang Jun C có quan hệ ngoại tình với người khác. Từ tháng 4 năm 2019 đến nay anh còn chặn mọi liên lạc với chị. Nay chị L xác định tình cảm không còn, thấy không thể duy trì quan hệ hôn nhân này được nữa nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với Chang Jun C.

Về con chung: Có 01 con chung, tên là Nông Hoàng Thanh V, sinh ngày 17/4/2018. Hiện đang ở cùng chị L. Sau khi ly hôn chị L có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại văn bản trả lời quan điểm giải quyết vụ án ly hôn của bị đơn anh Chang Jun C gửi Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam. Anh xác định về thời gian kết hôn, tình trạng hôn nhân phù hợp với lời khai của chị Nông Hoàng Hạnh L. Về quan hệ hôn nhân anh thừa nhận hai bên có mâu thuẫn nguyên nhân là do anh có mối quan hệ với người phụ nữ khác, anh và chị L nhiều lần cãi nhau dù chị L và con gái đã cố gắng sang Đài Loan để hàn gắn với anh. Bản thân anh xác định anh chủ động ngừng liên lạc với chị L từ tháng 4/2019. Đối với nguyện vọng xin ly hôn của chị L, anh đồng ý vì đã không còn yêu thương nhau nữa.

Về con chung: Anh Chang Jun C xác định vợ chồng có 01 con như chị L đã trình bày là đúng. Khi ly hôn, anh nhất trí để chị L nuôi con, do chị L không yêu cầu cấp dưỡng nên anh thể hiện quan điểm anh không cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Anh Chang Jun C xác định không có.

Hiện nay, do anh đang sinh sống và làm việc ở Đài Loan nên anh không thể sang Việt Nam trực tiếp giải quyết, anh có nguyện vọng xin được xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật Việt Nam.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng Dân sự. Bị đơn là người Đài Loan, hiện đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan, có địa chỉ cụ thể. Do vậy, Hội đồng xét xử xác định, đây là vụ án có yếu tố nước ngoài thuộc thẩm quyền giải

quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên theo quy định tại Điều 37 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ở nước ngoài, không đến Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên để tham gia tố tụng, căn cứ Điều 207 Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án không tiến hành hòa giải được. Bị đơn đã nhận được đầy đủ các văn bản của Tòa án và đã có đơn đề nghị gửi Tòa án, thể hiện ý kiến của mình về việc giải quyết vụ án và đồng thời đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, nên căn cứ khoản 1 Điều 228, khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Hôn nhân giữa chị Nông Hoàng Hạnh L và anh Chang Jun C trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn hai anh Chang Jun C trở về bên Đài Loan để sinh sống và làm việc. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, khi mới sang Đài Loan thỉnh thoảng anh vẫn quay lại Việt Nam để thăm chị L và con gái. Nhưng được một thời gian ngắn thì hai bên phát sinh mâu thuẫn do khoảng cách về địa lý quá xa giữa hai nước nên anh chị cũng ít được gặp và quan tâm đến nhau. Dần dần tình cảm vợ chồng không còn. Hơn nữa anh Chang Jun C thừa nhận anh có người phụ nữ khác, anh không còn quan tâm, yêu thương vợ con mặc dù chị L đã cố gắng hàn gắn nhưng không có kết quả. Chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, thấy không thể duy trì quan hệ hôn nhân này nữa nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn. Tại quan điểm cá nhân về việc giải quyết vụ án ly hôn của anh Chang Jun C gửi về cho Tòa án, anh cũng thể hiện quan điểm nhất trí ly hôn.

Như vậy, có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, vợ chồng không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, anh Chang Jun C là người không chung thủy, không thực hiện đúng nghĩa vụ của một người chồng, đã không yêu thương, chung thủy, tôn trọng chị L theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam mặc dù được chị L hết mực yêu thương và cố gắng hàn gắn. Về việc chị L xin ly hôn, anh Chang Jun C hoàn toàn nhất trí nên cho chị L được ly hôn anh Chang Jun C là phù hợp Luật Hôn nhân và Gia đình Việt Nam.

[3] Về con chung: Chị L và anh Chang Jun C đều xác định có 01 con chung tên là Nông Hoàng Thanh V, sinh ngày 17/4/2018 hiện đang ở cùng chị L ở Việt Nam. Khi ly hôn chị L có nguyện vọng được nuôi con chung, không đề nghị anh Chang Jun C cấp dưỡng. Trong quan điểm của anh Chang Jun C gửi về Việt Nam anh cũng thể hiện nhất trí với ý kiến của chị L. Hơn nữa cháu V hiện còn rất nhỏ (dưới 36 tháng tuổi) nên việc giao con cho chị L là hoàn toàn chính đáng và phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tại phiên tòa chị L không yêu cầu anh Chang Jun C cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Tài sản chung và nợ chung: Chị L và anh Chang Jun C đều xác định không có nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5] □n phí: Chị L phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Tuân thủ đúng các quy định của pháp luật; Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Các đương sự chấp hành đúng các quy định của pháp luật tại Điều 68, 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nông Hoàng Hạnh L cho chị L được ly hôn anh Chang Jun C. Con chung là cháu Nông Hoàng Thanh V hiện còn rất nhỏ nên cần giao cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác, anh Chang Jun C có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Về cấp dưỡng nuôi con chị L không yêu cầu. Về tài sản chung, nợ chung hai bên đều xác định không có nên không giải quyết. Chị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên là có căn cứ.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 28, Điều 37, khoản 2 Điều 38; Điều 147, Điều 207; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 127 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nông Hoàng Hạnh L được ly hôn với anh Chang Jun C.

2. Về con chung: Giao con chung Nông Hoàng Thanh V, sinh ngày 17/4/2018 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác.

Anh Chang Jun C được quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không xem xét giải quyết vì chị L không yêu cầu.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết

4. Về án phí: Chị Nông Hoàng Hạnh L phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm sung quỹ Nhà nước, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008779 ngày 09/5/2019 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên.

Chị L được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Anh Chang Jun C được quyền kháng cáo trong hạn một tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh;
- Cục THADS tỉnh;
- UBND huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Hồng Phương